IIG Academy

# GRADE 4 – WORKSHEET 2

**Score: …./15**

**1 Odd one out.** (Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại)

| | | | |
|---|---|---|---|
| 0. a. br<u>ea</u>d | b. t<u>ea</u> | c. m<u>ea</u>t | d. h<u>ea</u>t |
| 1. a. wr<u>i</u>te | b. n<u>i</u>ght | c. n<u>i</u>ce | d. t<u>i</u>ck |
| 2. a. g<u>oo</u>d | b. sch<u>oo</u>l | c. afternoon | d. s<u>oo</u>n |
| 3. a. n<u>a</u>me | b. cl<u>a</u>ss | c. l<u>a</u>ter | d. b<u>a</u>ker |
| 4. a. cla<u>ss</u> | b. mi<u>ss</u> | c. teacher<u>s</u> | d. <u>s</u>oon |
| 5. a. hell<u>o</u> | b. tomorrow | c. s<u>o</u> | d. c<u>o</u>ld |

**2 Reorder.** (Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh)

0. Hoa. | is | name | My

My name is Hoa. .....

1. often | swimming | go | I | mornings. | on | Saturday

.....

2. do | on | Tuesday | you | mornings? | What | have

.....

3. the | is | When | class? | English | next

.....



LIVEWORKSHEETS

4. going | I | the | on | like | zoo | to | Sundays.

.....

5. not | Saturdays. | on | go | school | I | to | do

.....

**3** **Listen to the song and fill in the blanks. Then sing along.** (Nghe bài hát và điền từ vào chỗ trống. Sau đó hát theo nhạc.)

Good morning. Good (1) _____.

Good morning. How are you?

I'm fine. I'm fine.

I'm fine. Thank (2) _____.



Good afternoon. Good afternoon.

Good afternoon. (3) _____. are you?

I'm not good. I'm not good.

I'm not good. Oh, no.

Good evening. Good (4) _____.

Good evening. How are you?

I'm great. I'm great. I'm (5) _____. Thank you



LIVEWORKSHEETS